

Số: 31 /2022/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 07 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 533/TTr-SNV ngày 12 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2022 và thay thế Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Ld*

Nơi nhận: *bh*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-BTP;
- Ban TĐKT Trung ương;
- TT. Tỉnh ủy, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Như Điều 2;
- Đài PTTH, Báo BD, Website tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật (STP);
- LĐVP, TH, HCTC;
- Lưu: VT, Lh. *14*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Minh
Võ Văn Minh

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Dương
(Kèm theo Quyết định số **31** /2022/QĐ-UBND ngày **07** tháng **10** năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Dương, bao gồm: Nguyên tắc, đối tượng, tiêu chuẩn, cơ cấu, tỷ lệ xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định, đề nghị, xét duyệt danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài, cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh tham gia phong trào thi đua đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Nguyên tắc, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Nguyên tắc, căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua:

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển;
- b) Danh hiệu thi đua được xét dựa trên thành tích đạt được trong phong trào thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc, căn cứ xét khen thưởng:

- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;
- b) Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được;
- c) Khen thưởng căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được; thành tích tiêu biểu ở cấp nào thì cấp đó khen thưởng. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hộ gia đình, Nhân dân. Đặc biệt quan tâm khen thưởng, động viên đối

với các tập thể, cá nhân trong điều kiện khó khăn nhưng năng động, sáng tạo, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thành tích có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn;

d) Tập thể và người đứng đầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia cụm, khối thi đua của tỉnh, do cụm, khối thi đua bình xét, suy tôn và đề nghị khen thưởng thông qua hoạt động thi đua theo cụm, khối.

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động, chỉ đạo toàn diện phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Chịu trách nhiệm phát động phong trào thi đua, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát phong trào thi đua và công tác khen thưởng thuộc phạm vi quản lý; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao; chủ động phát hiện tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tạo điều kiện cho cá nhân được khen thưởng giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng sáng kiến, cách làm hay, hiệu quả.

3. Các cơ quan báo chí có trách nhiệm tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, mô hình mới, cách làm hay để nhân rộng trong cộng đồng; phát hiện và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được báo chí, truyền thông tôn vinh.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng

1. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ):

a) Căn cứ nội dung phát động phong trào thi đua của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn của tỉnh, giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện phong trào thi đua, công tác khen thưởng; tham mưu sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen

thường. Xây dựng kế hoạch, nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh;

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh; thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định;

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí để phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến;

d) Hướng dẫn hoạt động cụm, khối thi đua; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đăng ký, ký kết giao ước thi đua của các cấp, các ngành, các đơn vị, địa phương trong tỉnh. Thực hiện công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức tham mưu về công tác thi đua, khen thưởng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương:

Tham mưu lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương và triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động; tham mưu sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

a) Cấp tỉnh:

Văn phòng, các phòng, ban chuyên môn, chi cục, trung tâm và tương đương thuộc các sở, ban, ngành, cơ quan đảng, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; các đơn vị trực thuộc chi cục, trung tâm và tương đương có số lượng công chức, viên chức, người lao động từ 30 người trở lên;

b) Cấp huyện:

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc cấp huyện; các cơ quan đảng, đoàn thể cấp huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

c) Đơn vị sự nghiệp: Trường học, bệnh viện, trạm y tế, phòng khám đa khoa khu vực và tương đương; các khoa, phòng và tương đương thuộc các trường cao đẳng, đại học, bệnh viện, trung tâm y tế;

d) Doanh nghiệp: Phòng, ban, xí nghiệp, phân xưởng sản xuất và tương đương.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

- b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 7. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng hàng năm cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong tỉnh;
- b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

2. Danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

Điều 8. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” xét tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượng Công an nhân dân.

Điều 9. Huy hiệu “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Bình Dương”

Huy hiệu “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Bình Dương” xét tặng cho cá nhân có thành tích đóng góp, quá trình cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh Bình Dương.

Nguyên tắc, đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Huy hiệu thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 10. Bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh được tặng cho các tập thể nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, đại hội, ngày truyền thống của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa

phương, doanh nghiệp (năm tròn hoặc năm lẻ 5) nhằm cổ vũ, động viên các tập thể năng động, sáng tạo trong công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh.

2. Tiêu chuẩn xét tặng:

Bức trưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có quá trình hình thành và phát triển từ 15 năm trở lên, có thành tích xuất sắc trong công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh, góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Trường hợp đặc biệt, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh báo cáo, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Chương III **HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG** **VÀ CƠ CẤU, TỶ LỆ XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

Điều 11. Giấy khen

1. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tặng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích đột xuất, dũng cảm cứu người, cứu tài sản; gương người tốt, việc tốt, có thành tích trong công tác, trong các đợt thi đua ngắn hạn, đợt thi đua theo chuyên đề; tập thể, cá nhân ngoài cơ quan, đơn vị, địa phương có nhiều đóng góp cho cơ quan, đơn vị, địa phương.

Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn hạn, đợt thi đua theo chuyên đề.

2. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương; mức đóng góp do địa phương căn cứ tình hình thực tế để quy định.

Điều 12. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng đột xuất

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, mưu trí, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt;

b) Cá nhân đạt giải nhất cấp tỉnh hoặc đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi, hội thi cấp quốc gia hoặc giải khuyến khích cấp quốc tế trở lên (trừ trường hợp đã được bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương tuyên dương, khen thưởng);

c) Tập thể, cá nhân có đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đảm bảo an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

d) Tập thể, cá nhân, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp bằng tiền, vật chất, công sức phục vụ các chương trình, mục tiêu trọng điểm, phong trào từ thiện xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề)

Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua do cấp có thẩm quyền phát động hoặc thi đua theo chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước.

a) Đối với phong trào có phạm vi trong toàn tỉnh (có văn bản chỉ đạo của bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh), khi tiến hành sơ kết, tổng kết, cơ quan, đơn vị chủ trì chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tặng Bằng khen, trong đó ưu tiên khen thưởng cho tập thể nhỏ, cá nhân trực tiếp thực hiện phong trào, chuyên đề;

b) Đối với phong trào do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động (có văn bản thống nhất với Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh), khi sơ kết, tổng kết phong trào từ 03 năm trở lên, cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

3. Khen thưởng đối ngoại

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có đóng góp trong xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác giữa địa phương và các quốc gia hoặc có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh Bình Dương.

4. Khen thưởng theo thành tích đạt được (tổng kết năm công tác)

a) Đối với cá nhân:

- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt tiêu chuẩn hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được cơ sở công nhận;

- Cá nhân là lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương (thuộc cụm, khối thi đua của tỉnh) được tặng Cờ thi đua hoặc Bằng khen dựa trên kết quả bình xét, suy tôn theo cụm, khối;

- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho doanh nhân xuất sắc trong chỉ đạo, điều hành doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh hiệu quả, được xét chọn theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Đối với tập thể:

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

- Tập thể được bình bầu, suy tôn theo cụm, khối thi đua của tỉnh.

5. Khen thưởng theo công trạng

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng 01 lần cho cá nhân (cán bộ, công chức, viên chức, người lao động) có quá trình công tác từ 20 năm trở lên, hoàn thành nhiệm vụ, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Đối tượng đề nghị khen thưởng theo công trạng là cá nhân chưa được tặng bất kỳ hình thức khen thưởng từ Bằng khen cấp tỉnh trở lên.

Điều 13. Tỷ lệ, cơ cấu xét danh hiệu thi đua, khen thưởng tổng kết công tác hàng năm

1. Tỷ lệ xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: Xét chọn không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Tỷ lệ xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đối với cá nhân: Xét chọn và đề nghị không quá 30% trong tổng số cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn tặng Bằng khen;

b) Đối với tập thể: Xét chọn và đề nghị không quá 30% trong tổng số tập thể đủ điều kiện, tiêu chuẩn tặng Bằng khen.

3. Khi tính tỷ lệ để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01 (một).

Chương IV

**HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, THẨM QUYỀN
QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG**

Điều 14. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Sở Nội vụ là Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 15. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn (gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương) do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp;

b) Căn cứ tình hình thực tế, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành phần, số lượng thành viên Hội đồng.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng:

a) Tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt và đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định;

c) Tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Huy hiệu, Bằng khen, Bức trướng và công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

4. Giám đốc hợp tác xã trực tiếp quản lý thành viên, người lao động làm việc tại các hợp tác xã: Nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Điều 17. Trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định về nghi thức trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Chính phủ.

2. Việc trao tặng được tổ chức vào các ngày lễ lớn của tỉnh, của đất nước, ngày truyền thống của ngành, đại hội, ngày thành lập, ngày sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, tổng kết ngành của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đối với các trường hợp khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, khen thưởng cấp Nhà nước, Sở Nội vụ phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng để tổ chức trao tặng đảm bảo trang trọng, ý nghĩa.

Điều 18. Tuyển trình khen thưởng

Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ và một số nội dung cụ thể như sau:

1. Cấp nào, cơ quan nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương, cơ quan đó xét, công nhận các danh hiệu thi đua và quyết định khen thưởng, trao thưởng các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên xét, công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

2. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

3. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng theo thẩm quyền.

4. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách ở địa phương, do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng và đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đối với các đối tượng: Liên đoàn Lao động cấp huyện; công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức cấp tỉnh; công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn khu công

ng nghiệp Việt Nam - Singapore; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị trên.

6. Đối với tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp:

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ: Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Đối với doanh nghiệp nhà nước: Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc tổ chức được giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với doanh nghiệp nhà nước do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý;

c) Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc tổ chức được giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

7. Đối với các đơn vị thuộc ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh do bộ, ngành Trung ương quản lý về tổ chức, biên chế thì do cơ quan cấp trên của các đơn vị đó xét công nhận danh hiệu thi đua và đề nghị khen thưởng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng chuyên đề, đột xuất về thành tích tham gia phong trào thi đua do tỉnh phát động và khen thưởng cho tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh.

8. Tập thể, cá nhân thuộc các bộ, ngành Trung ương, các địa phương ngoài tỉnh, các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, tập đoàn kinh tế do Trung ương thành lập và quản lý, có nhiều đóng góp cho sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương thì Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khen thưởng hoặc có văn bản nhận xét đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng. Trường hợp có thành tích xuất sắc hoặc đóng góp lớn cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương (kể cả đối tượng là người nước ngoài) thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét khen thưởng.

9. Đối với những đơn vị thuộc đối tượng có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động, khi trình các hình thức khen thưởng cấp tỉnh trở lên cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải có xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo vệ môi trường, kết luận kiểm toán (đối với doanh nghiệp và lãnh đạo doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm toán theo quy định).

Điều 19. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ):

a) Thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Huy hiệu, Bức trướng của Ủy ban nhân dân tỉnh, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh họp xét trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng;

c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các trường hợp do bộ, ngành, đoàn thể Trung ương đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến hiệp ý, xác nhận thành tích đối với tập thể và người đứng đầu tập thể để đề nghị bộ, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các doanh nghiệp chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền để khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 20. Tổ chức cụm, khối thi đua

1. Căn cứ hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về tổ chức, hoạt động của các cụm, khối thi đua theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương khi xây dựng các quy định, quy chế khen thưởng hoặc các chương trình, kế hoạch phát động phong trào thi đua của ngành, đơn vị, địa phương và dự kiến đề xuất khen thưởng thì lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ để được hướng dẫn về đối tượng, tiêu chí, tiêu chuẩn khen thưởng nhằm đảm bảo thống nhất quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

Điều 21. Thủ tục, hồ sơ khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh.

2. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng. Nội dung báo cáo thành tích thực hiện theo các mẫu (từ số 01 đến số 09) Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý cấp trên đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

a) Việc đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với cá nhân do người đứng đầu đơn vị thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương;

b) Tiêu chí đánh giá để xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể do Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét điều kiện thực tế để quy định cụ thể.

Điều 22. Quản lý lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương để thuận tiện cho việc tra cứu, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra hoặc xác nhận khen thưởng.

2. Công tác lưu trữ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; MỨC TRÍCH VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 23. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Sở Nội vụ quản lý; quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương do thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý.

Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh, cấp huyện và cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm, từ nguồn đóng góp của các cá nhân, tổ chức cho mục đích thi đua, khen thưởng và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

2. Mức trích quỹ thi đua, khen thưởng:

a) Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh, cấp huyện và cấp xã: Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tỷ lệ trích Quỹ thi đua, khen thưởng trong dự toán ngân sách hàng năm. Mức trích tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước bằng 1% (một phần trăm) chi ngân sách thường xuyên do địa phương quản lý (trừ kinh phí xây dựng cơ bản và các khoản khác theo quy định);

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh (kể cả đơn vị trực thuộc) được trích căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao. Mức trích tối đa bằng 20% (hai mươi phần trăm) tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài;

c) Quỹ thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước;

d) Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp do các tổ chức này tự quyết định từ nguồn khả năng tài chính của mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

Điều 24. Nội dung chi thi đua, khen thưởng

1. Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, huy hiệu, cờ thi đua, bức trướng, khung khen).

2. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các tập thể, cá nhân.

3. Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua: Mức trích không quá 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh, cấp huyện và cấp xã để chi cho các nhiệm vụ sau:

a) Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học;

b) Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến; tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến;

c) Chi phát động các phong trào thi đua, khen thưởng theo đợt, chuyên đề, thường xuyên trong phạm vi địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối; chi kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; chi phí nhận kết quả và hiện vật khen thưởng từ Trung ương gửi theo dịch vụ bưu chính;

d) Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác chỉ đạo phong trào thi đua, tổ chức các hội nghị, hội thảo về thi đua, khen thưởng.

Điều 25. Nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Thủ trưởng cơ quan cấp nào quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý. Quỹ thi đua, khen thưởng phải được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng theo quy định.

2. Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ do Ủy ban nhân dân tỉnh trình khen thưởng được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

3. Đối với tập thể, cá nhân ở ngoài tỉnh, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và tập thể người nước ngoài được tặng Huy hiệu, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương đương

mức tiền thưởng tương ứng theo quy định của pháp luật; trường hợp đặc biệt, tặng phẩm lưu niệm có giá trị cao hơn sẽ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Các trường hợp khen thưởng đột xuất: gương người tốt, việc tốt, cá nhân có hành động dũng cảm, tập thể hoặc cá nhân đạt thành tích cao trong các hội thi, hội diễn tùy theo thành tích để xem xét, khen thưởng động viên, khuyến khích; mức thưởng cho từng trường hợp cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định căn cứ trên cơ sở Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

Điều 26. Mức chi tiền thưởng

1. Cách tính tiền thưởng:

a) Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định khen thưởng;

b) Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 27. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị, địa phương do mình quản lý.

3. Trưởng cụm, khối thi đua có trách nhiệm kiểm tra phong trào thi đua của cụm, khối theo giao ước thi đua đã ký kết.

Điều 28. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương: Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định tính chính xác của hồ sơ đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương mình trước khi đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức lấy ý kiến nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh đối với những trường hợp đề nghị khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” trong thời hạn 07 ngày làm việc (trừ trường hợp có thành tích đột xuất).

Điều 29. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tập thể được khen thưởng và cá nhân có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng, có hành vi vi phạm trong quá trình kê khai, thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng thì bị xử lý theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Trường hợp phát hiện tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm, Phòng Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ, bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập thủ tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương hủy bỏ quyết định khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và chế độ được hưởng; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước mà vi phạm pháp luật hình sự, bị tòa án xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và bị tuyên án tù hình thức phạt tù có thời hạn trở lên thì Sở Nội vụ có trách nhiệm lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

4. Trường hợp bị xét xử oan, sai được cơ quan nhà nước có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì cá nhân được phục hồi và trao lại danh hiệu đã bị tước.

Điều 30. Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền.

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm triển khai, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và

Quy định này để xây dựng quy chế về công tác thi đua, khen thưởng, tiêu chí đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cho các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Nội vụ để được hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp./.

